TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HS-ST
Ngày: 02/8/2023.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

Bà Phùng Thị Khánh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:

Ông Cù Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 57/2023/HSST ngày 23 tháng 6 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST - HS ngày 20 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1985 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp X, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1952 và bà Huỳnh Thị B, sinh năm: 1953; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Đ1, sinh năm: 1984, có 01 con;

Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Ngày 24/02/2003, bị Tòa án nhân dân quận 1, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1, Điều 194 Bộ luật hình sự theo bản án số 72/HSST ngày 24/02/2003. Đã chấp hành án phạt tù xong ngày 01/7/2004, nhưng chưa nộp án phí.

- Ngày 22/3/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 13 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo khoản 3 Điều 133 Bộ luật hình sự, theo Bản án số 76/2006/HSST ngày 22/3/2006, chấp hành xong ngày 09/3/2016. Bị cáo đã nộp án phí nhưng chưa thi hành xong phần trách nhiệm dân sự.

- Ngày 27/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g (tái phạm nguy hiểm), khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, theo Bản án số 151/2019/HS – ST ngày 27/11/2019). Chấp hành án phạt tù xong ngày 25/01/2022. Bị cáo đã thi hành xong phần dân sự và án phí.

Nhân thân:

Ngày 09/10/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai áp dụng biên pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện. Chấp hành xong ngày 18/01/2019.

Bị bắt ngày: 18/10/2022.

"Bị cáo có mặt".

2. Trần Phương A (tên gọi khác: Ú), sinh năm: 1988 tại Đồng Nai;

Nơi cư trú: Thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân B1, sinh năm: 1952 và bà Lưu Thị H, sinh năm: 1957; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm: 1986, bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008 nhỏ nhất sinh năm 2023;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 21/4/2003 bị UBND huyện L, tỉnh Đồng Nai quyết định áp dụng hình thức đưa vào cơ sở giáo dưỡng theo quyết định số 906/QĐ – UB ngày 21/4/2003, đã chấp hành xong ngày 01/01/2005.

- Ngày 21/7/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 225/2005/HSST ngày 21/7/2005. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/12/2007. Bị cáo đã nộp án phí, và trách nhiệm dân sự.

- Ngày 20/01/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 05/2011/HSST ngày 20/01/2011. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/02/2014. Bị cáo đã chấp hành xong án phí và trách nhiệm dân sự.

Bị bắt ngày: 18/10/2022.

"Bị cáo có mặt"

Bị hại:

- Bà Phan Thị H1, sinh năm: 1962 "Có mặt".

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1986 "Có mặt".

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Huỳnh Tấn P, sinh năm: 1971 "Vắng mặt".

Địa chỉ: Ấp E, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ 20 phút ngày 18/10/2022, Nguyễn Văn Đ gọi điện thoại rủTrần Phương A đi cướp giật tài sản, Trần Phương A đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô màu đen - xanh, nhãn hiệu Satria, biển số 60B6-861.84 của Đ đến đón Anh tại nhà Anh thuộc xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu rồi cùng đi đến huyện X để cướp giật tài sản. Khi đến ấp T, xã P, huyện X thì Trần Phương A phát hiện bà Phan Thị H1, sinh năm 1962, HKTT: ấp T, xã P, huyện X đi bộ bên lề đường, có đeo dây chuyền vàng trên cổ nên Anh, nói Đặng quay đầu xe lại để cướp giật giây chuyền, Đ đồng ý và quay xe lại. Khi đi đến gần vị trí bà H1, Đ cho xe chạy chậm lại để Anh nhảy xuống xe chạy bộ lại tiếp cận bà H1 từ phía sau, dùng tay trái giật sợi dây chuyền trên cổ bà H1. Sau đó, A cầm theo sợ dây chuyền nhanh chóng chạy về phía xe của Đ để tẩu thoát. Lúc này, bà H1 truy hô nên người dân phát hiện, truy bắt làm Đ và A trong lúc tẩu thoát đã va quẹt vào xe mô tô của ông Huỳnh Tấn P, sinh năm 1971, HKTT: ấp E, xã H, huyện X đang lưu thông trên đường. Sau đó, người dân đã bắt giữ Trần Phương A và Nguyễn Văn Đ giao cho cơ quan Công an. Đối với sợi dây chuyền của bà H1, bị cáo A đã làm rơi tại hiện trường, Cơ quan CSĐT đã ra thông báo truy tìm nhưng hiện chưa thu hồi được.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐG ngày 14/11/2022 của Hộiđồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện X kết luận tại thời điểm xảy ra vụ án, giá trị của 01 sợi dây chuyền vàng loại 18K, trọng lượng 06 chỉ là 20.100.000 đồng.

-Vật chứng thu giữ và xử lý: Đối với 01 xe mô tô hiệu SUZUKI SATRIA, màu xanh đen, biển số 60B6-861.84, qua kiểm tra xác minh không có số máy, số khung nên chưa xác định được chủ sở hữu, qua làm việc bị cáo Đ khai nhận xe do Đặng mua lại của một người tên L1 (không rõ nhân thân) khi mua không làm giấy tờ mua bán; 01 diện thoại di động hiệu SamSung Galaxy A21S, màu đen, số IMEI 353.996.323.593.774 bên trong có gắn thẻ sim số 0367.744.834, dùng để liên lạc đi cướp giật tài sản, 01 nón bảo hiểm màu xanh, hiệu Andes; 01 quần thun dài màu đen, sọc đỏ có in chữ Adidas; 01 áo khoác màu đen; 01 chiếc giày màu đen đỏ, size 41; 01 túi vải màu xanh và 01 điện thoại di động Nokia loại IA-1203, màu xanh, số seri 354.275.387.659.212 có sim số 0349.531.865 dùng để liên lạc đi cướp giật tài sản; 01 áo khoác màu đỏ; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 đôi dép màu đen sọc vàng, trên dép có chữ ASIA SPORT; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, hình dạng bông hoa có đính 01 viên đá màu trắng ở giữa thu giữ tại hiện trường vụ án, hiện CQCSĐT Công an huyện đang tạm giữ để chuyển Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X chờ xử lý.

-Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Phan Thị H1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 20.100.000 đồng là giá trị sợi dây chuyền tại thời điểm xảy ra vụ án. Bị cáo Trần Phương A đã tác động gia đình bồi thường cho bà H1 số tiền 10.050.000 đồng (giá trị 50% của sợi dây chuyền) bà H1 đã nhận đủ số tiền bồi thường của

Anh, nay không có yêu cầu gì với bị cáo A, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A. Đối với bị cáo Đ đồng ý bồi thường cho bà H1 số tiền còn lại là 10.050.000 đồng, nhưng chưa bồi thường. Ông Huỳnh Tấn P, sinh năm 1971, HKTT: ấp E, xã H, huyện X, là người mà bị các bị cáo tông xe, ông P không yêu cầu giám định thương tích hay định giá tài sản thiệt hại, chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền thuốc điều trị và chi phí sửa xe cho ông P là 10.000.000 đồng. Hiện bị cáo Trần Phương A đã tác động gia đình bồi thường cho ông P 10.000.000 đồng, số tiền này bị cáo A đồng ý bồi thường cho cả phần của bị cáo Đ và không có yêu cầu bị cáo Đặng trả lại, ông P đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với các vật chứng qua khám xét thu giữ tại nhà bị cáo Trần Phương A1: 01 xe mô tô HonDa loại Wave, màu xanh, BKS: 72N2-1352; 01 điện thoại di động Iphone XS Max, màu đen, IMEI số 357270091574911; 01 laptop màu đen, nhãn hiệu HP DV6000; TV Samsung PS43D450A2; 01 máy in hiệu Canon MG3170; 01 áo khoác màu đen; 01 đôi dép quai ngang màu đen. Qua xác minh điều tra và ra thông báo truy tìm chủ sở hữu tài sản, đồ vật số 114/TB ngày 07/3/2023, nhưng không có người nhận, qua làm việc bị cáo khai nhận là tài sản của gia đình bị cáo, không liên quan đến vụ án. Do đó, Cơ quan CSĐT huyện X đã trả lại cho bà Nguyễn Thị L là vợ của bị cáo A.

Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố.

Bản cáo trạng số 52/CT – VKS – XM ngày 21 tháng 6 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d, điểm i, khoản 2 Điều 171 và bị cáo Trần Phương A về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm d điểm i khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 06 (S) năm tù.

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; điểm b điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Phương A từ 04 (Bốn) năm đến 04 (Bốn) năm 06 (S) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị hại bà Phan Thị H1 về việc bị cáo đồng ý bồi thường cho bà H1 số tiền là 10.050.000 đồng.

Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử:

Tiếp tục giao cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X tiếp tục điều tra, xử lý: 01 xe mô tô hiệu SUZUKI SATRIA, màu xanh đen gắn biển số 60B6- 861.84, không có số máy, số khung.

Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu S1 A21S, màu đen, số IMEI: 353996323593774 và 01 sim số 0367744834.

- 01 điện thoại di động Nokia loại IA – 1203, màu xanh, số seri 354275387659212 và 01 sim số 0349531865.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 nón bảo hiểm màu xanh, hiệu Andes; 01 quần thun dài màu đen, sọc đỏ có in chữ Adidas; 01 áo khoác màu đen; 01 chiếc giày màu đen đỏ, size 41; 01 túi vải màu xanh; 01 áo khoác màu đỏ; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 đôi dép màu đen sọc vàng, trên dép có chữ ASIA SPORT.

Trả lại cho bà Phan Thị H1:

- 01 mặt dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, hình dạng bông hoa có đính 01 viên đá màu trắng ở giữa được đóng gói, niêm phong trong 01 (một) phong bì màu trắng bên trên có in hình dấu đỏ của Công an xã P và chữ ký ghi họ tên của Võ Tiến H2, Phan Đình H3 và Phan Thị H1 theo biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 18/10/2022 của Công an xã P, huyện X.

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Trần Phương A nói lời sau cùng: Bản thân các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Theo đó xác định được rằng:

Khoảng 06 giờ 20 phút ngày 18/10/2022 tại khu vực ấp T, xã P huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bị cáo Đ và bị cáo A đã có hành vi cướp giật sợi dây chuyền vàng và mặt dây chuyền vàng loại 18K trọng lượng 06 chỉ của bà Phan Thị H1, bà H1 truy hô nên các bị cáo bị bắt phạm tội quả tang.

Kết luận định giá tài sản số: 65/KL – HĐĐG ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tại thời điểm xảy ra vụ án, giá trị thiệt hại của tài sản được định giá là: 20.100.000 đồng (Hai mươi triệu một trăm nghìn đồng).

Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản". Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn Đ, và bị cáo Trần Phương A đã dùng thủ đoạn nguy hiểm để cướp giật tài sản của bị hại theo quy định tại điểm d

khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình Sự. Đối với bị cáo Đặng ngoài tình tiết nêu trên bị cáo Đ còn có 03 tiền án chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục tái phạm nên bị cáo Đặng p chịu thêm tình tiết định khung hình phạt là "tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ đó, cho thấy bản cáo trạng số 52/CT – VKS – XM ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Trần Phương A về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo vì muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng mà không phải lao động nên đã thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo, liều lĩnh ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo Đ đã có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung hình phạt "tái phạm nguy hiểm" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự chưa được xóa án tích; bị cáo A có nhân thân xấu từng phạm tội "Cướp giật tài sản", các bị cáo không lấy đó làm bài học sửa đổi bản thân lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với thủ đoạn nguy hiểm, thể hiện sự xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn không có sự phân công chặt chẽ nhưng cần phân hóa vai trò của từng bị cáo, cụ thể: Bị cáo Đặng là người khởi xướng rủ rê, bị cáo A là đồng phạm giúp sức tích cực để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đ là người lái xe còn bị cáo A là người ngồi sau để giật tài sản. Bị cáo Đ đã có 03 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục tái phạm nên thuộc trường hợp định khung hình phạt tái phạm nguy hiểm; bị cáo A có nhân thân xấu, các bị cáo từng bị Tòa án xét xử nhiều lần. Trong vụ án này, bị cáo Đặng p chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo A.

[4] Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ và Trần Phương A không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Ngoài ra bị cáo A đã tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi mẹ già, con nhỏ nên bị cáo A được hưởng các tình tình giảm nhẹ quy định tại điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của

Bộ luật Hình sự. Do đó, khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản các bị cáo cướp giật là 01 sợi dây chuyền vàng và mặt dây chuyền vàng loại 18K, trọng lượng 06 chỉ (sợi dây chuyền đã bị thất lạc trong quá trình bị cáo tẩu thoát) sợi dây chuyền có giá trị tại thời điểm định giá là 20.100.000 đồng.

Bị hại bà Phan Thị H1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Bị cáo Trần Phương A đã tác động gia đình bồi thường cho bà H1 số tiền 10.050.000đ (giá trị 50% của sợi dây chuyền) bà H1 đã nhận đủ số tiền bồi thường của bị cáo A, bà H1 không có yêu cầu gì với bị cáo A. Đối với bị cáo Đ đồng ý bồi thường cho bà H1 số tiền còn lại là 10.050.000đ. Xét sự thỏa thuận về vấn đề bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Đối với ông Huỳnh Tấn P, người các bị cáo tông xe, ông P không yêu cầu giám định thương tích hay định giá tài sản thiệt hại, chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền thuốc điều trị và chi phí sửa xe cho ông P là 10.000.000đ. Hiện bị cáo Trần phương A2 đã tác động gia đình bồi thường cho ông P là 10.000.000 đồng, số tiền này bị cáo A2 đồng ý bồi thường cho cả phần của bị cáo Đ và không yêu cầu bị cáo Đặng trả lại; ông P đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu SUZUKI SATRIA, màu xanh đen gắn biển số 60B6-861.84, không có số máy, số khung chưa xác định được chủ sở hữu, qua làm việc bị cáo Đ khai nhận xe do bị cáo mua lại của một người tên L1 (không rõ nhân thân) khi mua không làm giấy tờ mua bán. Do đó, tiếp tục giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X điều tra, làm rõ, xử lý sau.

- 01 điện thoại di động hiệu S1 A21S, màu đen, số IMEI: 353996323593774 và 01 sim số 0367744834 là phương tiện bị cáo liên lạc để phạm tội nên tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại di động Nokia loại IA – 1203, màu xanh, số seri 354275387659212 và 01 sim số 0349531865 là phương tiện bị cáo liên lạc để phạm tội nên tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

- 01 nón bảo hiểm màu xanh, hiệu Andes; 01 quần thun dài màu đen, sọc đỏ có in chữ Adidas; 01 áo khoác màu đen; 01 chiếc giày màu đen đỏ, size 41; 01 túi vải màu xanh; 01 áo khoác màu đỏ; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 đôi dép màu đen sọc vàng, trên dép có chữ ASIA SPORT là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 mặt dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, hình dạng bông hoa có đính 01 viên đá màu trắng ở giữa được đóng gói, niêm phong trong 01 (một) phong bì

màu trắng bên trên có in hình dấu đỏ của Công an xã P và chữ ký ghi họ tên của Võ Tiến H2, Phan Đình H3 và Phan Thị H1 theo biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 18/10/2022 của Công an xã P, huyện X; đây là tài sản của bà H1 nên xét trả lại cho bà H1.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với các vật chứng qua khám xét thu giữ tại nhà bị cáo Trần Phương A1: 01 xe mô tô HonDa loại Wave, màu xanh, BKS: 72N2-1352; 01 điện thoại di động Iphone XS Max, màu đen, IMEI số 357270091574911; 01 laptop màu đen, nhãn hiệu HP DV6000; TV Samsung PS43D450A2; 01 máy in hiệu Canon MG3170; 01 áo khoác màu đen; 01 đôi dép quai ngang màu đen. Qua xác minh điều tra và ra thông báo truy tìm chủ sở hữu tài sản, đồ vật số 114/TB ngày 07/3/2023, nhưng không có người nhận, qua làm việc bị cáo khai nhận là tài sản của gia đình bị cáo, không liên quan đến vụ án. Do đó, Cơ quan CSĐT huyện X đã trả lại cho bà Nguyễn Thị L là vợ của bị cáo A2, là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài hành vi phạm tội trong vụ án, bị cáo Nguyễn Văn Đ và Trần Phương A còn cùng nhau thực hiện hành vi cướp giật tài sản ngày 12/10/2022 tại ấp P, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Hành vi này của hai bị cáo đã bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N khởi tố, điều tra, xử lý theo quy định. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X, không tiến hành điều tra, xử lý gì thêm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Trần Phương A (Ú) phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm d điểm i khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Đ 05 (Năm) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18/10/2022.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Trần Phương A (Ú) 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18/10/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị hại bà Phan Thị H1 về việc bị cáo đồng ý bồi thường cho bà H1 số tiền là 10.050.000 đồng (Mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X tiếp tục tạm giữ điều tra làm rõ: 01 xe mô tô hiệu SUZUKI SATRIA, màu xanh đen gắn biển số 60B6 - 861.84, không có số máy, số khung.

Tịch thu, phát mại sung vào công quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu S1 A21S, màu đen, số IMEI: 353996323593774 và 01 sim số 0367744834.

- 01 điện thoại di động Nokia loại IA – 1203, màu xanh, số seri 354275387659212 và 01 sim số 0349531865.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 nón bảo hiểm màu xanh, hiệu Andes; 01 quần thun dài màu đen, sọc đỏ có in chữ Adidas; 01 áo khoác màu đen; 01 chiếc giày màu đen đỏ, size 41; 01 túi vải màu xanh; 01 áo khoác màu đỏ; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 đôi dép màu đen sọc vàng, trên dép có chữ ASIA SPORT.

Trả lại cho bị hại bà Phan Thị H1:

- 01 mặt dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, hình dạng bông hoa có đính 01 viên đá màu trắng ở giữa được đóng gói, niêm phong trong 01 (một) phong bì màu trắng bên trên có in hình dấu đỏ của Công an xã P và chữ ký ghi họ tên của Võ Tiến H2, Phan Đình H3 và Phan Thị H1 theo biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 18/10/2022 của Công an xã P, huyện X.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/6/2023 giữa Công an huyện X và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Trần Phương A mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp số tiền 502.000đ (Năm trăm lẻ hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
+ Phòng PC10.
+ Phòng PV06.
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo